

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tháng 03 năm 2020

## MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3-4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5-6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	7-8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-28



# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Địa chỉ: Đội 9, xã Nam Điền, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân phối Top One (“Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phân phối Top One được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0106121967 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 03 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 21 tháng 5 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: TOP ONE ALLOT JOINT STOCK COMPANY;

Tên viết tắt là: TOP ONE.,JSC

Trụ sở chính của Công ty: Đội 9, xã Nam Điền, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ chín ngày 21 tháng 5 năm 2019 là 253.500.000.000 VND (Hai trăm

năm mươi ba tỷ, năm trăm triệu đồng).

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại sàn Upcom từ ngày 09 tháng 07 năm 2015 với mã giao dịch TOP.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
<b>Hội đồng Quản trị</b>			
Ông Định Văn Tạo	Chủ tịch Hội đồng quản trị		27/04/2019
Ông Nguyễn Hữu Khá	Chủ tịch Hội đồng quản trị	27/04/2019	
Ông Đỗ Xuân Long	Thành viên		
Ông Phạm Xuân Thủy	Thành viên		27/04/2019
Bà Mai Thị Tươi	Thành viên		27/04/2019
Ông Nguyễn Thế Trịnh	Thành viên		
<b>Ban Giám đốc</b>			
Ông Nguyễn Thế Trịnh	Giám đốc		
Ông Vũ Hồng Quang	Phó Giám đốc		
Bà Vũ Thị Lan Hương	Phó Giám đốc		
<b>Ban Kiểm soát</b>			
Ông Vũ Văn Hưng	Trưởng Ban kiểm soát		
Ông Phạm Cao Cường	Thành viên		
Bà Nguyễn Thị Nhị Hương	Thành viên		
<b>Kế toán Công ty</b>			
Bà Nguyễn Thị Kim Thành	Kế toán trưởng		

010191  
CÔNG TY  
NHH  
KIỂM TOÁN  
VIỆT NAM  
HÀ NỘI

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Địa chỉ: Đội 9, xã Nam Điền, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2017 và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Đại diện pháp luật của Công ty,



Nguyễn Hữu Khả  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Nam Định, ngày 25 tháng 03 năm 2020



Số: 398/2020/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
**Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 của Công ty Cổ phần Phân phối Top One**

**Kính gửi: Các Quý Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Phân phối Top One**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Phân phối Top One, được lập ngày 25 tháng 03 năm 2020, từ trang 7 đến trang 28, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến**

Như trình bày ở phần thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, tại thuyết minh 5.10, Công ty đang ghi nhận khoản lợi thế thương mại 219.669.202.867 VND phát sinh khi hợp nhất công ty con là Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang; Tại Thuyết minh 6.06, Công ty đang nhận khoản chi phí quản lý 11.390.075.503 VND là khoản phân bổ lợi thế thương mại phát sinh khi hợp nhất công ty con là Công ty Cổ phần chế biến rau củ quả và thảo dược Nam Hà, cụ thể:

Theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 27/04/2019 và Nghị Quyết số 2603/NQ-HDQT ngày 26/03/2019 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần chế biến rau củ quả và thảo dược Nam Hà (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 5300728430 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp thay đổi lần 3 ngày 23/07/2019). Trong kỳ Công ty thực hiện mua 1.520.000 cổ phần (trương ứng 95% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Chế biến Rau củ quả và Thảo dược Nam Hà với giá chuyển nhượng 160.000 đồng/cổ phần (Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần CNCPTOP-NHK/01/2019 ngày 26/03/2019). Tính đến ngày 04/04/2019, Công ty đã thanh toán hết cho khoản đầu tư này với tổng số tiền 243.200.000.000 đồng.

Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 05/11/2019 về việc chuyển nhượng cổ phần, do tình hình kinh doanh của Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và thảo dược Nam Hà không được như kỳ vọng mong muốn, mặt khác ông Nguyễn Hữu Khả sở hữu 95% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang (Giấy chứng nhận ĐKDN 0107249663 do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Hà Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký lần 10 ngày 07/10/2019). Công ty chuyển nhượng lại toàn bộ 1.520.000 số cổ phần (trương ứng 95% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và thảo dược Nam Hà với giá chuyển nhượng 160.000 đồng/cổ phần cho ông Nguyễn Hữu Khả (Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần CNCPTOP-



NHK/11/2019 ngày 18/11/2019). Đồng thời, ông Nguyễn Hữu Khá chuyển nhượng lại 2.280.000 cổ phần (tương ứng 95% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang với giá 106.667đ/cổ phần (Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần CNCPTOP-NHK/TPHG11/2019 ngày 18/11/2019). Phương thức thanh toán bằng căn trừ công nợ số tiền 243.200.000.000 đồng theo thỏa thuận trên hợp đồng và Biên bản căn trừ công nợ ngày 18/11/2019.

Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể xác định giá trị hợp lý của khoản lợi thể thương mại 219.669.202.867 VND và khoản chi phí lợi thể thương mại phân bổ 11.390.075.503 VND đang ghi nhận vào chi phí quản lý phát sinh khi hợp nhất. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến đối với các khoản mục trên cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất 2019 của Công ty.

Tại ngày 31/12/2019, công ty có số dư nợ phải thu 9,1 tỷ VND, tại thời điểm phát hành báo cáo này, khoản nợ thu hồi được 3,1 tỷ VND. Chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng về khả năng thu hồi đối với khoản nợ chưa thu được, do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về khả năng thu hồi của đối với khoản nợ chưa thu được cũng như ảnh hưởng của nó đối với các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 của Công ty.

Tại ngày 31/12/2019, Công ty đang theo dõi các khoản nợ phải thu khác 21.115.607.000VND, trong đó khoản phải thu của Ông Nguyễn Hữu Thường 19.140.582.000VND là khoản ứng trước theo hợp đồng Ủy thác đầu tư số 01/2016/UTDT ngày 31/12/2016 giữa Công ty cổ phần Đầu tư DULO ủy thác cho Ông Thường ký hợp đồng mua bán đất xây dựng văn phòng với Công ty Cổ phần Đầu tư DDG (nay là Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang), số hợp đồng BT11-01/MBVP ngày 05/04/2017. Do Hợp đồng không thực hiện được nên Công ty đã thu hồi được một phần khoản ứng trước. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện không giúp chúng tôi thu thập được bằng chứng kiểm toán cần thiết, do đó chúng tôi không đủ cơ sở đưa ra ý kiến đánh giá về khả năng thu hồi đối với khoản nợ trên cũng như ảnh hưởng của nó tới các khoản mục khác liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 của Công ty.

#### Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính *đính kèm*.

#### Vấn đề khác

Tại ngày 31/12/2019, Công ty thực hiện thoái vốn tại Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và thảo dược Nam Hà, đồng thời thực hiện đầu tư vào Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang, do đó liệu đang trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất được tổng hợp từ số liệu trên Bảng cân đối kế toán của Công ty mẹ và Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang; Số liệu trình bày trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được tổng hợp từ số liệu trên Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và thảo dược Nam Hà.



*[Handwritten signature in blue ink]*

**Phan Huy Thăng**  
**Tổng Giám đốc**  
 Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0147-2018-137-1

*[Handwritten signature in blue ink]*

**Nguyễn Thị Ngọc Châm**  
**Kiểm toán viên**  
 Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2980-2019-137-1

Thay mặt và đại diện  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**  
**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Global Network**  
 Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2020

N: ...  
 C: ...  
 T: ...  
 KIỂM TOÁN  
 CPA

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	MS	TM	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>39.886.855.440</b>	<b>213.524.361.756</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.01</b>	<b>489.446.408</b>	<b>15.431.408.150</b>
1. Tiền	111		489.446.408	15.431.408.150
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>31.029.416.561</b>	<b>182.665.951.968</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.02	9.116.309.561	11.742.253.942
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.03	797.500.000	141.827.408.700
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	19.000.000.000
4. Phải thu khác ngắn hạn	136	5.04	21.115.607.000	10.096.289.326
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>8.276.801.745</b>	<b>15.328.552.600</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.05	8.276.801.745	15.328.552.600
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>91.190.726</b>	<b>98.449.038</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.06	73.330.886	51.617.120
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	46.831.918
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.07	17.859.840	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>222.956.446.341</b>	<b>52.345.352.409</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>49.480.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.04	-	49.480.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.169.732.080</b>	<b>2.704.015.859</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.08	1.082.600.658	1.155.354.797
- Nguyên giá	222		1.930.454.546	1.539.545.455
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(847.853.888)	(384.190.658)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.09	2.087.131.422	1.548.661.062
- Nguyên giá	228		2.261.300.000	1.661.300.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(174.168.578)	(112.638.938)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>219.786.714.261</b>	<b>161.336.550</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.06	117.511.394	161.336.550
2. Lợi thế thương mại	269	5.10	219.669.202.867	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>262.843.301.781</b>	<b>265.869.714.165</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	MS	TM	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>9.576.965.220</b>	<b>11.087.890.131</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>9.576.965.220</b>	<b>11.087.890.131</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	2.540.825.632	4.491.690.912
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	-	250.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.07	838.514.588	26.675.552
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	6.197.625.000	6.319.523.667
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>253.266.336.561</b>	<b>254.781.824.034</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.14</b>	<b>253.266.336.561</b>	<b>254.781.824.034</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		253.500.000.000	253.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		253.500.000.000	253.500.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.470.524.021)	1.281.824.034
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a			997.386.419
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.281.824.034	
3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(2.752.348.055)	284.437.615
			1.236.860.582	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>262.843.301.781</b>	<b>265.869.714.165</b>

Nam Định, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị





Vũ Thị Hải Yến

Nguyễn Thị Kim Thành

Nguyễn Hữu Khá



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

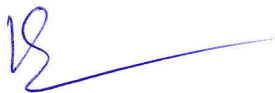
CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.01	31.525.182.857	67.972.280.409
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		31.525.182.857	67.972.280.409
4. Giá vốn hàng bán	11	6.02	31.302.406.606	65.742.489.405
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>222.776.251</b>	<b>2.229.791.004</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.03	11.733.492.055	9.066.867
7. Chi phí tài chính	22	6.04	26.250.000	65.650.684
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		26.250.000	65.650.684
8. Chi phí bán hàng	25	6.05	1.277.332.500	527.289.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.06	13.433.993.479	1.269.127.901
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(2.781.307.672)</b>	<b>376.790.286</b>
11. Thu nhập khác	31		154	6.396.191
12. Chi phí khác	32		1.096.536	22.111.567
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(1.096.382)</b>	<b>(15.715.376)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(2.782.404.054)</b>	<b>361.074.910</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.07	8.337.181	76.637.295
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>(2.790.741.235)</b>	<b>284.437.615</b>
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty mẹ	61		(2.874.499.536)	284.437.615
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(6.344.687)	-
<b>19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>6.08</b>	<b>(113)</b>	<b>11</b>

Nam Định, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị





Vũ Thị Hải Yến

Nguyễn Thị Kim Thành

Nguyễn Hữu Khá

D.N: 0  
CÔN  
TN  
KIỂM  
CPA V  
HÀ

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2019	Năm 2018
		VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(2.782.404.054)	361.074.910
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	262.211.460	258.220.298
- Các khoản dự phòng	03	-	(430.311.458)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(253.306.934)	(9.066.867)
- Chi phí lãi vay	06	26.250.000	65.650.684
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(2.747.249.528)	245.567.567
- Tăng các khoản phải thu	09	257.323.018	223.789.184.354
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	9.106.610.451	1.999.890.779
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(1.537.621.402)	(3.814.124.207)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	60.996.940	(103.365.267)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(26.250.000)	(65.650.684)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(31.695.392)	(149.883.400)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh</b>	<b>20</b>	<b>5.082.114.087</b>	<b>221.901.619.142</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(39.545.455)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	158.218.832.000	-
3. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	25	(227.976.214.763)	(188.698.832.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	26	49.480.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	253.306.934	9.066.867
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(20.024.075.829)</b>	<b>(207.729.310.588)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.700.000.000	1.500.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.700.000.000)	(1.500.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(14.941.961.743)</b>	<b>14.172.308.554</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>15.431.408.150</b>	<b>1.259.099.596</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>489.446.408</b>	<b>15.431.408.150</b>

Nam Định, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Vũ Thị Hải Yến

Nguyễn Thị Kim Thành

Nguyễn Hữu Khá

019173  
TY  
IH  
OÁN  
TNAM  
HỘI

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu B09-DN/HN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân phối Top One được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0106121967 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 03 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 21 tháng 5 năm 2019.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: TOP ONE ALLOT JOINT STOCK COMPANY;  
Tên viết tắt là: TOP ONE.,JSC

Trụ sở chính của Công ty: Đội 9, xã Nam Điền, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ chín ngày 21 tháng 5 năm 2019 là 253.500.000.000 VND (Hai trăm năm mươi ba tỷ, năm trăm triệu đồng).

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại sàn Upcom từ ngày 09 tháng 07 năm 2015 với mã giao dịch TOP.

Điện thoại: 04.6292 8994

Fax: 04.6282 8818

E-mail: topone2307@gmail.com

Website: <http://toponejsc.com>

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính: Kinh doanh thương mại; Bán buôn tổng hợp.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có 01 công ty con là Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang (chiếm 95% vốn điều lệ).

### 2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các văn bản pháp lý khác theo qui định của nhà nước.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.



#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty con do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31/12. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính của các Công ty con được lập cho cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư tại Công ty đó.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

##### **Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

##### **Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm (theo VAS 11 – Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm).

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.



**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty con**

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con, liên doanh, liên kết: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

J.N: 0  
CÔNG  
T.M  
KIỂM  
CPA  
PHỞ

**Nguyên tắc kế toán về Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng năm như sau:

<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>Thời gian khấu hao (năm)</b>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	15-25
Máy móc và thiết bị	3-12
Phương tiện vận tải	6-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời gian từ 01 năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian không quá 24 tháng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

0197  
3 TY  
HH  
TOA  
VIET  
A N

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm phát sinh, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Việt nam số 16 - Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán điện được xác định và ghi nhận dựa trên sản lượng điện cung cấp (xác định theo chỉ số trên công tơ điện) và giá bán điện do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

### **Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

### **Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Người quản lý của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

### **Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh kinh doanh điện năng và một bộ phận địa lý là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu B09-DN/HN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.01 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	34.463.869	554.568.507
Tiền gửi ngân hàng	454.982.539	14.876.839.643
<b>Cộng</b>	<b>489.446.408</b>	<b>15.431.408.150</b>

**5.02 Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Ăn Uống Và Thương Mại Bách Diệp	529.851.150	-
Công Ty Cổ Phần Thương Mại Truyền Thông Ngô Quyền Hà Nội	1.742.672.351	-
Công Ty Cổ Phần Xnk Đức Bảo	1.702.623.076	
Công Ty TNHH Thương Mại Và Âm Thực Thu Huyền	91.454.000	
Công Ty TNHH Evie	1.974.401.798	
Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Top One	896.648.731	5.117.712.461
Công Ty Cp Đông Dược Ninh Bình	1.408.592.922	
Công Ty TNHH Dịch Vụ Nhà Hàng Hải Linh	-	704.025.200
Công Ty TNHH Dịch Vụ Nam Vũ (Công Ty TNHH Thời Trang Bts)	-	550.007.838
Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Bảo Vệ Mê Kông Miền Bắc	-	2.685.143.868
Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Bảo Vệ Đất Vàng Việt Nam	-	2.685.364.572
Phải thu khách hàng khác	770.065.533	3
<b>Cộng</b>	<b>9.116.309.561</b>	<b>11.742.253.942</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu B09-DN/HN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)****5.03 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty TNHH Kiểm toán ASC	-	35.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị	-	7.700
Công ty cổ phần Đông dược Cao Bằng	-	2.573.569.000
Ông Đinh Văn Tạo	-	10.000.000.000
Bà Mạc Thị Hoa	-	7.000.000.000
Ông Nguyễn Tiến Thành	-	29.964.832.000
Ông Nguyễn Hữu Khá	-	15.200.000.000
Ông Triệu Tiến Duẩn	-	20.000.000.000
Ông Vũ Minh Chính	-	57.054.000.000
Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ SBO Việt Nam	500.000.000	-
Hợp tác xã Thiên Phương	200.000.000	-
Trả trước người bán khác	97.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>797.500.000</b>	<b>141.827.408.700</b>

**5.04 Các khoản phải thu khác**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>21.115.607.000</b>	-	<b>10.096.289.326</b>	-
Phải thu tạm ứng	-	-	10.000.000.000	-
Ký quỹ, ký cược	75.025.000	-	87.700.285	-
Công ty Cp Tư vấn xây dựng VFCC	-	-	8.589.041	-
Ông Nguyễn Hữu Thường (1)	19.140.582.000	-	-	-
Ông Nguyễn Hữu Khá (2)	1.900.000.000	-	-	-
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>49.480.000.000</b>	<b>-</b>
- Công ty TNHH MTV Khách sạn và du lịch Nghệ Tĩnh (3)	-	-	49.480.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>21.115.607.000</b>	<b>-</b>	<b>59.576.289.326</b>	<b>-</b>

Đơn vị: VND

(1) Khoản ứng trước theo hợp đồng Ủy thác đầu tư số 01/2016/UTDT ngày 31/12/2016 giữa Công ty cổ phần Đầu tư DULO ủy thác cho Ông Nguyễn Hữu Thường đại diện Công ty ký hợp đồng mua bán đất xây dựng văn phòng với Công ty Cổ phần Đầu tư DDG (nay là Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang), số hợp đồng BT11-01/MBVP ngày 05/04/2017. Do Hợp đồng không thực hiện được nên Công ty đã thu hồi được một phần khoản ứng trước.

(2) Phải thu của Ông Nguyễn Hữu Khá theo Hợp đồng cho vay số 01/HG/NHK ngày 30/12/2019, thời hạn cho vay 6 tháng, lãi suất 9%/năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu B09-DN/HN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)****5.04 Các khoản phải thu khác (tiếp theo)**

(3): Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2018/HTKD/TOP-DLHT ngày 28/12/2018, hợp tác xây dựng và kinh doanh dự án "Khách sạn và trung tâm thương mại VFCC" tại phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 28/12/2018 đến ngày 31/12/2065. Công ty Cổ phần Phân phối Top One sẽ góp 79.161.000.000 đồng. Do có kế hoạch thay đổi hướng đầu tư nên ngày 04/04/2019, hai bên thực hiện thanh lý hợp đồng theo Biên bản thanh lý hợp đồng số TL01/2018/HĐKD/TOP-DLHT, Công ty Cổ phần Phân phối Top One thu hồi lại phần vốn góp hợp tác kinh doanh do thay đổi kế hoạch kinh doanh.

**5.05 Hàng tồn kho**

Đơn vị: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	8.276.801.745	-	15.328.552.600	-
<b>Cộng</b>	<b>8.276.801.745</b>	<b>-</b>	<b>15.328.552.600</b>	<b>-</b>

**5.06 Chi phí trả trước**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>73.330.886</b>	<b>51.617.120</b>
Công cụ dụng cụ	38.885.550	2.405.301
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	34.445.336	49.211.819
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>117.511.394</b>	<b>161.336.550</b>
Công cụ dụng cụ	117.511.394	161.336.550
<b>Cộng</b>	<b>190.842.280</b>	<b>212.953.670</b>

**5.07 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

Đơn vị: VND

Nội dung	01/01/2019		Số phát sinh trong năm		31/12/2019	
	Số phải nộp	Số phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Số phải thu
Thuế giá trị gia tăng	-	-	2.639.223.008	1.860.088.617	779.134.391	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.835.552	-	-	31.695.392	-	17.859.840
Thuế thu nhập cá nhân	12.840.000	-	94.967.697	48.427.500	59.380.197	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	-	-	3.535.496	3.535.496	-	-
<b>Cộng</b>	<b>26.675.552</b>	<b>-</b>	<b>2.737.726.201</b>	<b>1.943.747.005</b>	<b>838.514.588</b>	<b>17.859.840</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu B09-DN/HN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)****5.08 Tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư tại ngày 01/01/2019	-	1.500.000.000	39.545.455	1.539.545.455
Tăng trong năm	390.909.091	-	-	390.909.091
Tăng do mua công ty con	390.909.091	-	-	390.909.091
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 31/12/2019</b>	<b>390.909.091</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>39.545.455</b>	<b>1.930.454.546</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư tại ngày 01/01/2019	-	375.000.000	9.190.658	384.190.658
Tăng trong năm	262.981.410	187.500.000	13.181.820	463.663.230
Khấu hao trong năm	-	187.500.000	13.181.820	200.681.820
Tăng do mua công ty con	262.981.410	-	-	262.981.410
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 31/12/2019</b>	<b>262.981.410</b>	<b>562.500.000</b>	<b>22.372.478</b>	<b>847.853.888</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2019	-	1.125.000.000	30.354.797	1.155.354.797
Tại ngày 31/12/2019	127.927.681	937.500.000	17.172.977	1.082.600.658



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu B09-DN/HN

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

## 5.09 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị: VND

	Quyền sử dụng đất	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2019	1.661.300.000	1.661.300.000
Tăng trong năm	600.000.000	600.000.000
Tăng do mua công ty con	600.000.000	600.000.000
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2019	<u>2.261.300.000</u>	<u>2.261.300.000</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2019	112.638.938	112.638.938
Tăng trong năm	30.764.820	30.764.820
Khấu hao trong năm	30.764.820	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2019	<u>143.403.758</u>	<u>143.403.758</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2019	<u>1.548.661.062</u>	<u>1.548.661.062</u>
Tại ngày 31/12/2019	<u>2.117.896.242</u>	<u>2.117.896.242</u>

## 5.10 Lợi thế thương mại

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Lợi thế thương mại	219.669.202.867	-
Cộng	<u>219.669.202.867</u>	<u>-</u>

## 5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Gia Nguyễn Hà Nội	-	-	3.180.148.910	3.180.148.910
Công ty TNHH dịch vụ Nam Vũ	399.439.469	399.439.469	-	-
Công ty cổ phần dịch vụ Top One	2.141.386.163	2.141.386.163	1.309.542.002	1.309.542.002
Công ty CP Đông Dược Ninh Bình	-	-	2.000.000	2.000.000
Cộng	<u>2.540.825.632</u>	<u>2.540.825.632</u>	<u>4.491.690.912</u>	<u>4.491.690.912</u>

Đơn vị: VND



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu B09-DN/HN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)****5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty CP Hoa Đạm	-	250.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>250.000.000</b>

**5.13 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	1.898.667
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	6.197.625.000	6.317.625.000
<b>Cộng</b>	<b>6.197.625.000</b>	<b>6.319.523.667</b>

**5.14 Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Đơn vị: VND Cộng
Số dư tại 01/01/2018	253.500.000.000	997.386.409	-	254.497.386.409
Tăng trong năm	-	284.437.625	-	284.437.625
Lợi nhuận tăng trong năm	-	284.437.625	-	284.437.625
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2018	<u>253.500.000.000</u>	<u>1.281.824.034</u>	-	<u>254.781.824.034</u>
Số dư tại 01/01/2019	253.500.000.000	1.281.824.034	-	254.781.824.034
Tăng trong năm	-	(2.752.348.055)	1.236.860.582	(1.515.487.473)
Lợi nhuận tăng trong năm	-	(2.752.348.055)	1.236.860.582	(1.515.487.473)
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2019	<u>253.500.000.000</u>	<u>(1.470.524.021)</u>	<u>1.236.860.582</u>	<u>253.266.336.561</u>

**b. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Vốn góp của các cổ đông	25.350.000	100,00%	25.350.000	100,00%
<b>Cộng</b>	<b>25.350.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>25.350.000</b>	<b>100,00%</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu B09-DN/HN

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn góp tại đầu năm</b>	<b>253.500.000.000</b>	<b>253.500.000.000</b>
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
<b>Vốn góp tại cuối năm</b>	<b>253.500.000.000</b>	<b>253.500.000.000</b>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia, trích lập các quỹ	-	-

**d. Cổ phiếu**

	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>25.350.000</b>	<b>25.350.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>25.350.000</b>	<b>25.350.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	25.350.000	25.350.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>25.350.000</b>	<b>25.350.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	25.350.000	25.350.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

917917  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
PHÂN PHỐI  
TOP ONE  
HỘI - VIỆT NAM

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu B09-DN/HN****6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.01 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	31.525.182.857	67.972.280.409
<b>Cộng</b>	<b>31.525.182.857</b>	<b>67.972.280.409</b>

**6.02 Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	31.302.406.606	65.742.489.405
<b>Cộng</b>	<b>31.302.406.606</b>	<b>65.742.489.405</b>

**6.03 Doanh thu tài chính**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi	771.565	9.066.867
Lãi cho vay	252.542.000	-
Lãi thoái vốn tại công ty con khi hợp nhất	11.480.178.490	-
<b>Cộng</b>	<b>11.733.492.055</b>	<b>9.066.867</b>

**6.04 Chi phí tài chính**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền vay	26.250.000	65.650.684
<b>Cộng</b>	<b>26.250.000</b>	<b>65.650.684</b>

**6.05 Chi phí bán hàng**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.188.532.500	527.289.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.800.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.000.000	-
Chi phí bằng tiền khác	52.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.277.332.500</b>	<b>527.289.000</b>

NAM



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu B09-DN/HN****6.06 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	650.541.503	465.821.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	324.562.549	191.827.320
Chi phí khấu hao TSCĐ	262.211.460	258.220.298
Thuế phí và lệ phí	3.535.496	3.365.922
Chi phí dự phòng	-	(430.311.458)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	577.418.070	291.625.052
Chi phí khác	11.615.724.401	488.579.767
<b>Cộng</b>	<b>13.433.993.479</b>	<b>1.269.127.901</b>

**6.07 Chi phí thuế TNDN**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(2.782.404.054)</b>	<b>361.074.910</b>
Điều chỉnh tăng các chi phí không được trừ	-	22.111.565
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>(2.782.404.054)</b>	<b>383.186.475</b>
<b>Thuế TNDN phải nộp</b>	<b>8.337.181</b>	<b>76.637.295</b>
Thuế TNDN phải nộp 20%	8.337.181	76.637.295
<b>Thuế TNDN phải nộp</b>	<b>8.337.181</b>	<b>76.637.295</b>

**6.07 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.195.796.155
Chi phí nhân công	1.839.074.003
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.889.474.547
Chi phí dịch vụ mua ngoài	612.418.070
Chi phí khác bằng tiền	11.997.622.446
<b>Cộng</b>	<b>53.534.385.221</b>

**6.08 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận phân phối cho công ty mẹ	(2.874.499.536)	284.437.615
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-
<b>Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(2.874.499.535)</b>	<b>284.437.615</b>
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	25.350.000	25.350.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(113)</b>	<b>11</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu B09-DN/HN

**7. THÔNG TIN KHÁC****7.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**7.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan*****Danh sách các bên liên quan:***

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty	Quản lý chủ chốt

***Giao dịch với bên liên quan***

	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Thu tiền cho vay</b>		
Ông Đinh Văn Tạo	19.000.000.000	-

***Số dư với bên liên quan***

	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Cho vay</b>		
Ông Đinh Văn Tạo	-	19.000.000.000
<b>Trả trước người bán</b>		
Ông Đinh Văn Tạo	-	10.000.000.000
Ông Nguyễn Hữu Khá	-	15.200.000.000
<b>Phải thu khác</b>		
Ông Nguyễn Hữu Khá	1.900.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE  
 KIỂM TOÁN VÀ CHẤM DẤU  
 CHỖ HỌ TÊN

7.3 Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	489.446.408	15.431.408.150
Phải thu khách hàng và phải thu khác	30.231.916.561	71.318.543.268
Đầu tư dài hạn khác	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>30.721.362.969</b>	<b>86.749.951.418</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Các khoản vay	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	8.738.450.632	10.811.214.579
Chi phí phải trả	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.738.450.632</b>	<b>10.811.214.579</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán, do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua của các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi có khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục tiêu quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu B09-DN/HN**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã thoả thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả:

Tài sản tài chính	31/12/2019		
	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	489.446.408	-	489.446.408
Phải thu khách hàng và phải thu khác	30.231.916.561	-	30.231.916.561
<b>Cộng</b>	<b>30.721.362.969</b>	<b>-</b>	<b>30.721.362.969</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	8.738.450.632	-	8.738.450.632
<b>Cộng</b>	<b>8.738.450.632</b>	<b>-</b>	<b>8.738.450.632</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>21.982.912.337</b>	<b>-</b>	<b>21.982.912.337</b>

**7.4 Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán.

**7.4 Thông tin khác**

Tại ngày 31/12/2019, Công ty thực hiện thoái vốn tại Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và thảo dược Nam Hà, đồng thời thực hiện đầu tư Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang, do đó số liệu đang trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất được tổng hợp từ số liệu trên Bảng cân đối kế toán của Công ty mẹ và Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang; Số liệu trình bày trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được tổng hợp từ số liệu trên Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và thảo dược Nam Hà.

Nam Định, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị





Vũ Thị Hải Yến

Nguyễn Thị Kim Thành

Nguyễn Hữu Khá